

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-4-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Triệu Nghĩa

2. Ông Phạm Thanh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc H; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2021, biên bản hòa giải ngày 08/02/2022, biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Trần Quốc H kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau,

nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn anh Trần Quốc H.

Về con chung: Chị và anh Trần Quốc H có 01 con chung là Trần Chí H1, sinh ngày 20/7/2011. Trong đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải ngày 08/02/2022, chị yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2022, chị T trình bày: Hiện nay con chung của chị và anh H đã về sống cùng với anh H. Do đó, để tạo điều kiện cho con chung của chị và anh H được tiếp tục học tập gần trường, chị đồng ý giao con chung Trần Chí H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; anh H không yêu cầu chị cấp dưỡng cho con thì chị đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày ngày 08/02/2022, biên bản hòa giải ngày 08/02/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Trần Quốc H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, khoảng tháng 4/2021 thì vợ chồng có xảy ra cãi vã do mâu thuẫn trong việc tiền bạc. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì mâu thuẫn giữa vợ chồng là không lớn.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Trần Chí H1, sinh ngày 20/7/2011. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu giao con cho anh trực tiếp nuôi, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Quốc H; về con chung: Giao con chung Trần Chí H1, sinh ngày 20/7/2011 cho anh Trần Quốc H trực tiếp nuôi; chị T không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện anh Trần Quốc H, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh H. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện thì bị đơn anh Trần Quốc H có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Quốc H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10/6/2021. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Quốc H là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Quốc H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng và không đồng ý ly hôn, nhưng thực tế giữa vợ chồng anh Trần Quốc H và chị Nguyễn Thị Thanh T đã sống ly thân từ nhiều tháng nay, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán cũng đã phân tích, hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H và cương quyết yêu cầu được ly hôn anh H; riêng anh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Từ những nhận định như trên, có cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị T, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trần Quốc H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự, có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Quốc H có 01 con chung là Trần Chí H1, sinh ngày 20/7/2011.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị T và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi, đồng thời, con chung của chị T, anh H là cháu Trần Chí H1 cũng trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2022, chị T trình bày hiện nay cháu H1 đã về sống với cha là anh Trần Quốc H để được gần trường học và chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu; đồng thời, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện đó đảm bảo được quyền lợi cho con chung của chị T và anh H. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Chí H1 cho anh Trần Quốc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Tại bản tự khai ngày 08/02/2022 và biên bản hòa giải ngày 08/02/2022 anh Trần Quốc H trình bày: *“Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu giao con cho anh trực tiếp nuôi, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con”*. Xét thấy anh Trần Quốc H là người được giao trực tiếp nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Quốc H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị T phải chịu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Quốc H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Quốc H có 01 con chung là Trần Chí H1, sinh ngày 20/7/2011. Giao con chung Trần Chí H1 cho anh Trần Quốc H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Trần Quốc H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Quốc H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000020 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong